

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16-12-2021

“V/v Ly hôn giữa anh L và chị L1”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mộng Lành và ông Hà Minh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021; Thông báo dừng mở phiên tòa số 19/2021/TB-TA ngày 19 tháng 7 năm 2021 do thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch covid 19; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 22/2021/TB-TA ngày 16 tháng 11 năm 2021 các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp H, xã N.Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị L1 (tên gọi khác: Mỹ L1), sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp H, xã N.Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Bị đơn có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án, anh Nguyễn Văn L trình bày như sau:

Anh L và chị L1 chung sống với nhau vào năm 2009, đến ngày 30/12/2014 anh chị thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N.Y.

Sau mười năm chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị L1 tham gia các tệ nạn xã hội như chơi cờ bạc, số đề và khi chồng đi làm biến chị L1 còn có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Vợ chồng đã tự ly thân khoảng một năm nay. Nhận thấy hôn nhân của vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn nên anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị L1.

Về con chung: Anh L xác định vợ chồng có hai người con chung là cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 05/11/2010 và cháu Nguyễn Thị Phương A1, sinh ngày 01/7/2013 hiện các con đang sống chung với chị L1. Trong đơn khởi kiện anh L yêu cầu được nuôi hai người con chung không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con chung, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh L thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần con chung, anh L giao các con chung cho chị L1 nuôi và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung của vợ chồng: Anh L xác định vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn - chị Nguyễn Thị L1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong các buổi hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay có ý kiến trình bày như sau:

Về hôn nhân chị L1 và anh L kết hôn do mai mối, sau khi về chung sống được vài năm thì xảy ra mâu thuẫn, mỗi lần anh L đi nhậu say về thì đều hành hung đánh đập vợ. Vì thương các con nên chị L1 chịu đựng để vợ chồng chung sống cùng nhau. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng đã ly thân khoảng hai năm, chị L1 không chịu được sự đánh đập của chồng nên đã bỏ nhà đi làm công nhân ở Đồng Nai. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm, thăm hỏi nhau, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Nay anh L xin ly hôn chị L1 đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị L1 trình bày có hai người con chung là cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 05/11/2010 và cháu Nguyễn Thị Phương A1, sinh ngày 01/7/2013. Chị L1 đã đưa các con lên Đồng Nai để chung sống cùng mẹ và gia đình cha mẹ của chị L1, hiện các cháu có cuộc sống ổn định và đều đang đi học. Do điều kiện các cháu đang đi học ở Đồng Nai nên không thể về để trình bày ý kiến nhưng nguyện vọng của các con đều muốn được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Chị L1 có yêu cầu tiếp tục được nuôi hai người con chung, tại phiên tòa hôm nay chị L1 chưa có yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con vì cho rằng mức thu nhập hiện tại của chị cùng với sự giúp đỡ của gia đình thì chị vẫn lo chu đáo cho các con ăn học và có cuộc sống ổn định.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị L1 xác định vợ chồng có một số tài sản chung như căn nhà, xe gắn máy và các vật dụng gia đình... Tại phiên tòa hôm nay chị L1 chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi vợ chồng ly hôn chị L1 sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị L1 xác định không có.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Thị Kim A1 và cháu Nguyễn Thị Phương A1 (Bản chứng thực), giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của nguyên đơn (Bản công chứng).

Chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không có.

Chứng cứ do Tòa án thu thập:

- Kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho biết: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh L và chị L1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh L có tính ghen tuông làm cho đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện tại anh chị đã ly thân, chị L1 bỏ đi làm thuê còn anh L đi ghe biển ít khi về nhà. Anh L và chị L1 có hai người con chung, khi vợ chồng ly thân con chung ở với chị L1 có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định. Đối với nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn. Không có kiến nghị phần tố tụng.

Nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cho anh L ly hôn với chị L1; về con chung đề nghị giao các con chung cho chị L1 nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Quan hệ pháp luật: Anh L xin ly hôn với chị L1 và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Tại phiên tòa anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh L, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh L và chị L1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Nhận thấy: Qua kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cũng như lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở để nhận định đời sống vợ chồng của anh L và chị L1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L có tính ghen tuông, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, có hành vi bạo hành gia đình, không cùng nhau vun vén cho hạnh phúc gia đình. Do mâu thuẫn không thể dung hòa được nên vợ chồng đã tự ly thân nhau trong thời gian dài. Đến nay anh chị đều tạo dựng cho mình có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, không còn yêu thương nhau và giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên trong quá trình nghị án Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thống nhất cho anh Lừng chị Linh được ly hôn.

Về con chung: Anh Lừng và chị Linh đều xác định có 02 người con chung, anh chị cùng có ý kiến giao các con chung lại cho chị Linh nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn. Nhận thấy, sau khi cha mẹ ly thân các con chung đều sống với chị Linh, hiện nay chị Linh đã tạo dựng cho các con có cuộc sống ổn định, được học hành và phát triển bình thường, thu nhập cũng như điều kiện cuộc sống của chị Linh cơ bản đáp ứng được các yêu cầu sinh hoạt và học tập của các con trong khi anh Linh đi ghe biển thời gian dành để chăm sóc các con hạn chế hơn nên qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao các con chung của anh chị cho chị Linh nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế để tránh làm xáo trộn đến cuộc sống sinh hoạt và học tập của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con, tại Tòa án anh Lũng có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con mà khả năng có tới đâu thì cho con tới đó đồng thời chị Linh cũng không có yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung của vợ chồng: Các đương sự xác định không có và không có yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Lũng là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Lũng và chị Nguyễn Thị Linh.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị Kim Anh, sinh ngày 05/11/2010 và cháu Nguyễn Thị Phương Anh, sinh ngày 01/7/2013 cho chị Nguyễn Thị Linh tiếp tục nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly anh Nguyễn Văn Lũng và chị Nguyễn Thị Linh ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Người được giao nuôi dưỡng con chung không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, khi có các yêu cầu hay tranh chấp liên quan đến nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Nguyễn Văn Lũng và chị Nguyễn Thị Linh vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Lũng có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007195 ngày 01/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Anh Nguyễn Văn Lũng đã nộp đủ án phí.

5. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã Nam Yên;
- Các đương sự;
- Lưu, HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm